TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HS-ST
Ngày: 12-01-2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Châu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Ngọc Điệp;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 109/2025/TLST-HS ngày 20/11/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2025/QĐXXST-HS ngày 04/12/2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Minh T, sinh năm 1995, tại Bình Dương; CCCD số 074095007XYZ; Hộ khẩu thường trú: tổ X, khu phố Y, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố X, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Thợ Sơn; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị A; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án và tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/5/2025 đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Ngọc N, sinh năm 2002, tại Bình Dương; CCCD số 074202008XYZ; Hộ khẩu thường trú: khu phố X, phường TB, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố Y, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Thợ cơ khí (cửa sắt); Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; con ông Nguyễn Ngọc D và bà Nguyễn Thị Tú T; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án và tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/5/2025 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Đặng Thị Thanh C, sinh năm 2005; địa chỉ thường trú: Thôn X, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ liên hệ: Nhà trọ HS, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1974; địa chỉ: khu phố T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Đặng Thị Thanh H, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh T và Nguyễn Ngọc N là bạn của nhau, không có nghề nghiệp ổn định và đều là đối tượng nghiện ma túy. Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên buổi tối ngày 22/4/2025, T rủ N đi tìm tài sản của người khác sơ hở trên địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) để lấy trộm mang đi bán, N đồng ý. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 23/4/2025, N điều khiển xe mô tô hiệu Yahama Mio, biển số 61B2-338.XY của cha ruột là ông Nguyễn Ngọc D đến đón T tại khu phố X, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) như đã hẹn. Đến khoảng 04 giờ 55 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 61B2-338.32 chở N đi đến trước cửa khu nhà trọ HS thuộc khu X, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) thì cả hai nhìn thấy cửa khu nhà trọ không đóng, phía trước cửa phòng trọ số 4 có để 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 48E1-239.XY của chị Đặng Thị Thanh C không có người trông giữ. Lúc này, N đứng bên ngoài cảnh giới, còn T đi bộ vào trong đẩy chiếc xe biển số 48E1-239.XY ra và phá khóa xe rồi nổ máy bỏ đi. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, T gọi cho Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1994, cư trú tại khu phố Y, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) để bán xe mô tô này do T biết T1 làm nghề mua bán xe cũ. Qua nói chuyện thỏa thuận thì T1 đồng ý mua lại xe mô tô biển số 48E1-239.XY với số tiền 5.000.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, Thiện dùng tài khoản tên "NGUYEN HUU T1" thuộc ngân hàng MB Bank và chuyển khoản số tiền 6.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của T (trong đó 5.000.000 đồng là tiền cả hai thỏa thuận mua bán xe mô tô biển số 48E1-239.XY; 1.000.000 đồng là tiền T1 trả do thiếu nợ T từ trước). Khi có tiền, T chia cho N số tiền 1.500.000 đồng, còn T giữ số tiền 3.500.000 đồng và cả hai đã tiêu xài hết.

Ngày 13/5/2025, Nguyễn Minh T và Nguyễn Ngọc N đến Công an phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) đầu thú và khai nhận hành vi lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 48E1-239.XY của chị Đặng Thị Thanh C.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 87/2025/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong Tố tụng hình sự thành

phố Thủ Dầu Một, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 48E1-239.XY; số máy: JF66E0719716; số khung: 5819GY719661 trị giá 18.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: Đối với 01 USB chứa dữ liệu ghi lại diễn biến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào bút lục trong hồ sơ vụ án.

Biện pháp tư pháp: Buộc Nguyễn Minh T nộp sung ngân sách nhà nước số tiền 3.500.000 đồng, Nguyễn Ngọc N nộp sung ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có.

Đối với xe mô tô hiệu Yahama Mio, biển số 61B2-338.XY, quá trình điều tra xác định, xe mô tô này là của ông Nguyễn Ngọc D (cha của Nguyễn Ngọc N), việc N sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội, ông D không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không tiến hành thu giữ.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 48E1-239.XY, quá trình điều tra xác định xe mô tô trên do chị Đặng Thị Thanh H đứng tên dùm cho chị Đặng Thị Thanh C. Hiện xe mô tô trên không thu hồi được, chị C yêu cầu Nguyễn Minh T và Nguyễn Ngọc N bồi thường số tiền 18.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Hữu T1, quá trình điều tra Nguyễn Minh T khai nhận khi bán xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 48E1-239.XY, T nói cho T1 biết xe mô tô này do T trộm cắp mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú, truy tìm T1 nhưng đến nay chưa làm việc được với T1. Ngày 24/10/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tách hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Nguyễn Hữu T1 để tiếp tục xác minh, xử lý khi có đủ căn cứ.

Cáo trạng số 24/CT-VKSKV15 ngày 20/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố các bị cáo Nguyễn Minh T và Nguyễn Ngọc N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo như sau: Bị cáo T mức hình phạt từ 18 (mười tám) tháng đến 20 (hai mươi) tháng tù; bị cáo N mức hình phạt từ 14 (mười bốn) tháng đến 16 (mười sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Minh T và Nguyễn Ngọc N liên đới bồi thường số tiền 18.000.000 đồng cho bị hại Đặng Thị Thanh C.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Nguyễn Minh T nộp sung ngân sách nhà nước số tiền 3.500.000 đồng, bị cáo Nguyễn Ngọc N nộp sung ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000 đồng sung ngân sách nhà nước. Đây là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận: Khoảng 04 giờ 55 phút ngày 23/4/2025, phía trước khu nhà trọ HS địa chỉ tại khu phố X, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Minh T và Nguyễn Ngọc N lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 48E1-239.XY, trị giá 18.000.000 đồng của bị hại Đặng Thị Thanh C. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra. Hành vi mà các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người nảy sinh ý định lấy trộm tài sản và rủ bị cáo N cùng thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, để có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và các bị cáo đã đầu thú. Đây là những tình tiết giảm

nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 18.000.000 đồng cho bị hại. Các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 5.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có, các bị cáo phải nộp sung ngân sách nhà nước. Bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp số tiền 3.500.000 đồng và bị cáo Nguyễn Ngọc N phải nộp số tiền 1.500.000 đồng.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 46, Điều 47, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các điều 106, 136, 260, 292, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh T và Nguyễn Ngọc N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2025.

3. Về trách nhiệm dân sư: Các bị cáo Nguyễn Minh T và Nguyễn Ngọc N có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) cho bị hại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về biên pháp tư pháp: Bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp sung ngân sách nhà nước số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) và bị cáo Nguyễn

Ngọc N phải nộp sung ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Về án phí sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo liên đới chịu 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh (PV06);
- VKSND KV 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Châu Giang